



ná xià
拿下

verb phrase · take down, capture, win

Example Sentences

jǐng chá zhōng yú ná xià le nà ge xiǎo tōu
警察终于拿下了那个小偷。

The police finally captured that thief.

tā qīng sōng ná xià le zhè chǎng bǐ sài
他轻松拿下了这场比赛。

He easily won this match.

Trace each character, then write the word on your own.

拿	拿	拿	拿	拿	拿	拿	拿	拿	拿	拿
拿	拿									

下	下	下	下	下	下					

